

Số: 5616/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt, bãi bỏ Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
lĩnh vực Thủy lợi, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định 4862/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định 4863/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội trong việc giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 4202/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 303/TTr-SNN ngày 06/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 05 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội.

Bãi bỏ 05 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội.

(Chi tiết tại các phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính để phục vụ việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các quy trình nội bộ số 37, 38, 84, 85, 86 kèm theo Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 23/05/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội hết hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bí thư Thành ủy, các PBT Thành ủy;
- Chủ tịch, các PCT HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- VPUBTP: CVP, PCVP: C.N.Trang, các phòng: KSTTHC, KTN, HCTC, THCB;
- Trung tâm báo chí Thủ đô Hà Nội;
- Lưu: VT, KSTTHC. ✓

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Sơn

Phụ lục 1
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC THỦY SẢN, KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số **5616** /QĐ-UBND ngày **03** tháng **11** năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Tên Quy trình nội bộ	Ký hiệu
I	LĨNH VỰC THỦY SẢN	
01	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	QT-01
02	Sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	QT-02
II	LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	
03	Công nhận Làng nghề	QT-03
04	Công nhận Làng nghề truyền thống	QT-04
05	Công nhận Nghề truyền thống	QT-05

Phụ lục 2

**NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH-
LĨNH VỰC THỦY SẢN, KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG
NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Quyết định số 5616 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

1. Quy trình công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên) (QT- 01)

1	Mục đích: Quy định cách thức, nội dung, trình tự thực hiện thủ tục công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức đề nghị công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên); Cán bộ công chức Chi cục Thủy sản Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội; -Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản sau đây gọi tắt là Nghị định số 26/2019/ NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ; -Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT sau đây gọi tắt là Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định 4202/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội sau đây gọi tắt là Quyết định 4202/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; - Quyết định 4862/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội sau đây gọi tắt là Quyết định 4862/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;	x	
	- Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý theo Mẫu số 02.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;	x	
	- Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 03.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;	x	

	- Thông tin về tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 04.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;	x		
	- Bản chính biên bản họp tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 05.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.	x		
3.3	Số lượng hồ sơ:			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý:			
	a) Công khai phương án: 03 ngày làm việc; b) Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 59 ngày.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả:			
	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC Chi cục Thủy sản Hà Nội Địa chỉ: Xã Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội. *Cách thức tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính hoặc Qua Cổng dịch vụ công trực tuyến:dichvucong.hanoi.gov.vn.			
3.6	Lệ phí:			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức cộng đồng	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả			
*	Tiếp nhận trực tiếp Trường hợp đủ thành phần hồ sơ: Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; Chuyển hồ sơ về Trưởng Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC. Trường hợp không đủ thành phần hồ sơ: Từ chối và hướng dẫn nộp lại hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính (<i>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ trong ngày làm việc hoặc sáng ngày làm việc tiếp theo trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15h</i>)	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Phiếu từ chối xử lý hồ sơ
*	Tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến Trường hợp đủ thành phần hồ sơ: Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; Chuyển hồ sơ về Trưởng Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC.	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả TTHC	02 ngày (<i>Thời gian này không tính vào thời gian giải quyết TTHC</i>)	-Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Phiếu từ chối xử lý hồ sơ


	Trường hợp không đủ thành phần hồ sơ: Từ chối và hướng dẫn nộp lại hồ sơ			
B3	Chuyển hồ sơ tới phòng chuyên môn	Trưởng bộ Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	1/2 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Phân công thẩm định hồ sơ	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B5	Thẩm định hồ sơ Trường hợp 1: Hồ sơ đủ điều kiện: Thông báo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý. Trường hợp 2: Hồ sơ chưa đủ điều kiện: Thông báo bổ sung hoàn thiện hồ sơ hoặc từ chối xử lý hồ sơ	Chuyên viên; lãnh đạo phòng; lãnh đạo Chi cục; Lãnh đạo Sở	02 ngày (Trong đó Chuyên viên 1/2 ngày; Lãnh đạo phòng: 1/4 ngày; Lãnh đạo Chi cục 1/4 ngày; Lãnh đạo Sở: 01 ngày)	-Văn bản đề nghị UBND cấp huyện, cấp xã v/v thông báo “Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản” trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý. -Văn bản thông báo bổ sung hoàn thiện hồ sơ hoặc từ chối xử lý hồ sơ (trường hợp 2) -Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B6	Thông báo “Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản” trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản	UBND cấp huyện, cấp xã	Ngay sau khi nhận được văn bản đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội	-Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản;



	lý.			
B7	Thẩm định và kiểm tra thực tế tại cơ sở Trong thời hạn 59 ngày kể từ ngày thông báo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý; cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 06.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP. Trường hợp không công nhận và không giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.			
-	Thành lập Đoàn kiểm tra thực tế tại cơ sở;	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng chuyên môn;	12 ngày (Trong đó: Chuyên viên 05 ngày; Lãnh đạo phòng 02 ngày; Lãnh đạo chi cục 02 ngày; Lãnh đạo sở: 03 ngày)	-Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra thực tế tại cơ sở - Thông báo kiểm tra thực tế tại cơ sở; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
-	Thông báo cho tổ chức về việc kiểm tra thực tế tại cơ sở	Lãnh đạo Chi cục.		
-	Kiểm tra thực tế tại cơ sở.	Đoàn kiểm tra thực tế tại cơ sở	29 ngày	-Biên bản kiểm tra thực tế tại cơ sở.
-	Sau kiểm tra thực tế tại cơ sở: Ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 06.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP. Trường hợp không công nhận và không giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng chuyên môn; Lãnh đạo Chi cục	12 ngày (Trong đó: Chuyên viên: 05 ngày; Lãnh đạo phòng chuyên môn 02 ngày; Lãnh đạo Chi cục: 02 ngày; Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội: 03 ngày)	-Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (Bản dự thảo) -Văn bản thông báo từ chối không công nhận và không giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (trường hợp không đủ điều kiện) -Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B8	Xem xét phê duyệt Quyết định công nhận và giao quyền quản lý	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	05 ngày	-Quyết định công nhận và giao quyền

	cho tổ chức cộng đồng			quản lý cho tổ chức cộng đồng
B9	-Hoàn thiện hồ sơ; - Bàn giao kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC.	Chuyên viên phòng chuyên môn	01 ngày	-Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng -Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B10	Trả kết quả giải quyết TTHC	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính	-Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng -Sổ theo dõi hồ sơ
B11	Thống kê và theo dõi; Lưu hồ sơ.	-Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC; -Phòng chuyên môn	Giờ hành chính	HS giải quyết TTHC, kèm theo: <i>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có); Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (trường hợp từ chối tiếp nhận HS); Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (trường hợp giải quyết hồ sơ chậm muộn); Sổ theo dõi hồ sơ.</i>
4	BIỂU MẪU			
	1. Đơn đề nghị theo Mẫu số 01.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;			
	2. Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực			

hiện đồng quản lý theo Mẫu số 02.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;
3. Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng; theo Mẫu số 03.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;
4. Thông tin về tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 04.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;
5. Bản chính biên bản họp tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 05.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;
6. Quyết định Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản
7. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu số 01 -06)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN VÀ GIAO QUYỀN QUẢN LÝ
CHO TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG THỰC HIỆN ĐỒNG QUẢN LÝ
TRONG BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
hoặc Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố.....

Tên tôi là:..... Giới tính:.....
Ngày tháng năm sinh:..... Dân tộc:
Mã số định danh/Số chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân:.....
Nghề nghiệp:.....
Chỗ ở hiện tại:.....
Số điện thoại liên hệ:.....
Là người đại diện cho [Tên tổ chức cộng đồng]

Từ nhu cầu và sự tự nguyện của các thành viên trong cộng đồng với mục tiêu cùng chia sẻ quyền hạn, trách nhiệm trong quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản với Nhà nước, chúng tôi [Tên tổ chức cộng đồng], được thành lập theo Quyết định số ngày.....tháng năm (nếu có), nhận thấy [khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý] có nguồn lợi thủy sản cần được quản lý và bảo vệ nhằm duy trì sinh kế bền vững cho người dân có hoạt động thủy sản tại đây.

Do đó, các thành viên [Tên tổ chức cộng đồng] đã thảo luận và thống nhất xây dựng hồ sơ đề nghị công nhận và giao quyền quản lý tại [khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý] để thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản, với nội dung chính như sau:

1. Quyền quản lý đề nghị được giao [theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Luật Thủy sản].
2. Vị trí, ranh giới khu vực địa lý đề nghị được giao [nêu rõ tên khu vực và tọa độ khu vực (nếu có)].
3. Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng.

(Chi tiết tại hồ sơ gửi kèm).

Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT.... hoặc Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố..... xem xét, quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho [Tên tổ chức cộng đồng].

Chúng tôi cam kết sẽ quản lý khu vực được giao theo nội dung được công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản và tuân thủ các quy định của pháp luật./.

....., ngày tháng năm 20....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Ký, ghi rõ họ tên)



02. Quy trình sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên) (QT-02)

1	Mục đích: Quy định cách thức, nội dung, trình tự thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên); Cán bộ, công chức Chi cục Thủy sản Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ; - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định 4202/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; - Quyết định 4862/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đề nghị theo Mẫu số 07.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;	x	
	- Thông tin về tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 04.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung tên tổ chức và tên người đại diện của tổ chức cộng đồng;		x
	- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao;		x
	- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo quy chế mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng;		x
	- Bản chính biên bản họp của tổ chức cộng đồng về các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 05.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.	x	
3.3	Số lượng hồ sơ:		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý:		

	<p>a) Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc;</p> <p>b) Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công khai phương án: 03 ngày làm việc; - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 59 ngày. 			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả:			
	<p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC Chi cục Thủy sản Hà Nội Địa chỉ: Xã Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội.</p> <p>*Cách thức tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính hoặc Qua Cổng dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.hanoi.gov.vn.</p>			
3.6	Lệ phí:			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
a.	Thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức cộng đồng	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả			
*	<p>Tiếp nhận trực tiếp</p> <p>Trường hợp đủ thành phần hồ sơ: Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; Chuyển hồ sơ về Trường Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC.</p> <p>Trường hợp không đủ thành phần hồ sơ: Từ chối và hướng dẫn nộp lại hồ sơ</p>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	<p>Giờ hành chính</p> <p><i>(Tiếp nhận và chuyển hồ sơ trong ngày làm việc hoặc sáng ngày làm việc tiếp theo trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15h)</i></p>	<p>-Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả</p> <p>-Phiếu từ chối xử lý hồ sơ</p>



*	<p>Tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến</p> <p>Trường hợp đủ thành phần hồ sơ: Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; Chuyển hồ sơ về Trưởng Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC.</p> <p>Trường hợp không đủ thành phần hồ sơ: Từ chối và hướng dẫn nộp lại hồ sơ</p>	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả TTHC	02 ngày (Thời gian này không tính vào thời gian giải quyết TTHC)	<p>-Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả</p> <p>-Phiếu từ chối xử lý hồ sơ</p>
B3	Chuyển hồ sơ tới phòng chuyên môn	Trưởng bộ Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	1/2 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Phân công thẩm định hồ sơ	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B5	<p>Thẩm định hồ sơ</p> <p>Trường hợp 1: Hồ sơ đủ điều kiện: Dự thảo văn bản trình Lãnh đạo Chi cục; chuyển văn bản trình Lãnh đạo Sở.</p> <p>Trường hợp 2: Hồ sơ chưa đủ điều kiện: Thông báo bổ sung hoàn thiện hồ sơ hoặc từ chối xử lý hồ sơ.</p>	Chuyên viên; lãnh đạo phòng; lãnh đạo Chi cục; Lãnh đạo Sở	02 ngày (Trong đó Chuyên viên 1/2 ngày; Lãnh đạo phòng: 1/4 ngày; Lãnh đạo Chi cục 1/4 ngày; Lãnh đạo Sở: 01 ngày)	<p>-Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (Bản dự thảo).</p> <p>-Văn bản thông báo bổ sung hoàn thiện hồ sơ hoặc từ chối xử lý hồ sơ (trường hợp 2)</p> <p>-Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ</p>
B6	Xem xét phê duyệt Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung	Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội	03 ngày	Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và

	Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội			giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng.
B7	- Hoàn thiện hồ sơ; - Bàn giao kết quả về Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả TTHC.	Chuyên viên phòng chuyên môn	01 ngày	-Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng. -Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B8	Trả kết quả giải quyết	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính	-Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng. - Sổ theo dõi hồ sơ
B9	Thông kê và theo dõi	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC - Phòng chuyên môn	Giờ hành chính	HS giải quyết TTHC, kèm theo: <i>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có); Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (trường hợp từ chối tiếp nhận HS); Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết</i>

				<i>quả (trường hợp giải quyết hồ sơ chậm muộn); Sổ theo dõi hồ sơ.</i>
b.	Sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản			
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức cộng đồng	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả			
*	Tiếp nhận trực tiếp Trường hợp đủ thành phần hồ sơ: Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; Chuyển hồ sơ về Trường Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC. Trường hợp không đủ thành phần hồ sơ: Từ chối và hướng dẫn nộp lại hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính <i>(Tiếp nhận và chuyển hồ sơ trong ngày làm việc hoặc sáng ngày làm việc tiếp theo trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15h)</i>	-Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Phiếu từ chối xử lý hồ sơ
*	Tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến Trường hợp đủ thành phần hồ sơ: Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; Chuyển hồ sơ về Trường Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC. Trường hợp không đủ thành phần hồ sơ: Từ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả TTHC	02 ngày <i>(Thời gian này không tính vào thời gian giải quyết TTHC)</i>	-Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả -Phiếu từ chối xử lý hồ sơ

	chối và hướng dẫn nộp lại hồ sơ			
B3	Chuyển hồ sơ tới phòng chuyên môn	Trưởng bộ Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	1/2 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Phân công thẩm định hồ sơ	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B5	Thẩm định hồ sơ Trường hợp 1: Hồ sơ đủ điều kiện: Thông báo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý. Trường hợp 2: Hồ sơ chưa đủ điều kiện: Thông báo bổ sung hoàn thiện hồ sơ hoặc từ chối xử lý hồ sơ	Chuyên viên; lãnh đạo phòng; lãnh đạo Chi cục; Lãnh đạo Sở	02 ngày (Trong đó Chuyên viên 1/2 ngày; Lãnh đạo phòng: 1/4 ngày; Lãnh đạo Chi cục 1/4 ngày; Lãnh đạo Sở: 01 ngày)	-Văn bản đề nghị UBND cấp huyện, cấp xã v/v thông báo “Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản” trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý. -Văn bản thông báo bổ sung hoàn thiện hồ sơ hoặc từ chối xử lý hồ sơ (trường hợp 2) -Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B6	Thông báo “Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản” trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp	UBND cấp huyện, cấp xã	Ngay sau khi nhận được văn bản đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà nội	Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản

	xã và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý.			
B7	<p>Thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế</p> <p>Trong thời hạn 59 ngày kể từ ngày thông báo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý; cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành Quyết định sửa đổi bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 08.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP. Trường hợp không ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và không giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.</p>			
-	<p>Thành lập Đoàn kiểm tra thực tế tại cơ sở</p> <p>Thông báo cho tổ chức về việc kiểm tra thực tế tại cơ sở</p>	<p>Chuyên viên;</p> <p>Lãnh đạo phòng chuyên môn;</p> <p>Lãnh đạo Chi cục.</p>	<p>12 ngày</p> <p>(Trong đó:</p> <p><i>Chuyên viên</i></p> <p>05 ngày;</p> <p><i>Lãnh đạo phòng</i></p> <p>02 ngày;</p> <p><i>Lãnh đạo chi cục</i></p> <p>02 ngày;</p> <p><i>Lãnh đạo Sở: 03 ngày)</i></p>	<p>-Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra điều kiện thực tế tại cơ sở</p> <p>-Thông báo kiểm tra điều kiện thực tế tại cơ sở</p> <p>-Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ</p>
-	Kiểm tra thực tế tại cơ sở	Đoàn kiểm tra điều kiện thực tế tại cơ sở	29 ngày	Biên bản kiểm tra điều kiện thực tế tại cơ sở
-	<p>Sau kiểm tra điều kiện thực tế tại cơ sở: Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 08.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-</p>	<p>Chuyên viên;</p> <p>Lãnh đạo phòng chuyên môn;</p> <p>Lãnh đạo Chi cục</p>	<p>12 ngày</p> <p>(Trong đó:</p> <p><i>Chuyên viên:</i></p> <p>05 ngày;</p> <p><i>Lãnh đạo phòng chuyên môn</i> 02 ngày;</p> <p><i>Lãnh đạo Chi cục:</i> 02 ngày;</p> <p><i>Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội:</i> 03 ngày)</p>	<p>-Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng. (Bản dự thảo) hoặc văn bản thông báo từ chối không ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung</p> <p>-Phiếu kiểm soát quá trình</p>

	CP. Trường hợp không ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do			giải quyết hồ sơ
B8	Xem xét phê duyệt Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng;	Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội	05 ngày	Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng.
B9	- Hoàn thiện hồ sơ; - Bàn giao kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC.	Chuyên viên phòng chuyên môn	01 ngày	-Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng. -Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B10	Trả kết quả giải quyết TTHC	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính	-Quyết định Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng. -Sổ theo dõi hồ sơ
B11	Thống kê và theo dõi;	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết	Giờ hành	HS giải quyết TTHC, kèm

	Lưu hồ sơ	quả TTHC; - Phòng chuyên môn.	chính	theo: <i>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có); Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (trường hợp từ chối tiếp nhận HS); Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (trường hợp giải quyết hồ sơ chậm muộn); Sổ theo dõi hồ sơ.</i>
4	BIỂU MẪU			
	1. Thông tin về tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 04.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;			
	2. Biên bản họp tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 05.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;			
	3. Đơn đề nghị theo Mẫu số 07.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP			
	4. Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 08.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;			
	5. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ(Mẫu số 01 -06)			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

1. Thông tin của tổ chức cộng đồng:

- Tên tổ chức cộng đồng:
- Tổ chức cộng đồng được thành lập theo Quyết định số ngày..... tháng năm (nếu có)
- Số lượng thành viên:
- Thành phần tham gia tổ chức cộng đồng:.....

2. Thông tin người đại diện của tổ chức cộng đồng (Đối với trường hợp đề nghị thay đổi người đại diện của tổ chức cộng đồng):

- Họ và tên:..... Giới tính:.....
- Ngày tháng năm sinh:..... Dân tộc: Quốc tịch:.....
- Mã số định danh/Số chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân:....
-
- Nghề nghiệp:
- Chỗ ở hiện tại:.....
- Số điện thoại liên hệ:.....

3. Danh sách thành viên tổ chức cộng đồng:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Số người trong hộ làm nghề liên quan đến TS	Chỗ ở hiện tại	Khai thác thủy sản					Nuôi trồng thủy sản					Nghề khác		
					Số ĐK tàu cá	Chiều dài tàu cá (m)	Nghề khai thác TS	Ngư trường khai thác chính	Nguồn thu nhập (chính/phụ)	Khu vực nuôi	Diện tích nuôi	Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi	Nguồn thu nhập (chính/phụ)	Tên nghề	Nguồn thu nhập (chính/phụ)	
A	Thành viên là hộ gia đình																



B	Thành viên là cá nhân															

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

BIÊN BẢN HỌP CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG
Thông qua nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận
và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức cộng đồng:.....
2. Số lượng thành viên tổ chức cộng đồng:
3. Thành phần tham dự họp (ghi cụ thể thông tin của đại biểu và số lượng thành viên tổ chức cộng đồng tham dự họp):.....
4. Thời gian, địa điểm tổ chức họp:

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự, người chủ trì, người ghi biên bản cuộc họp.

2. Thảo luận, thống nhất và biểu quyết thông qua nội dung về [lựa chọn một hoặc nhiều nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung]:

- Tên tổ chức cộng đồng (đối với tổ chức cộng đồng không có tư cách pháp nhân).
- Tên người đại diện của tổ chức cộng đồng.
- Phạm vi quyền quản lý được giao.
- Vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao.
- Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.
- Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng.

(Người ghi biên bản ghi đầy đủ ý kiến của các đại biểu tham dự, kết quả biểu quyết thông qua của thành viên tổ chức cộng đồng đối với từng nội dung)

Cuộc họp kết thúc vào hồi....., ngày..... tháng năm tại [tên địa điểm tổ chức đại hội].

Biên bản này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị ngang nhau.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ THAM DỰ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)



**TÊN TỔ CHỨC
CỘNG ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
VÀ GIAO QUYỀN CHO TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG THỰC HIỆN
ĐỒNG QUẢN LÝ TRONG BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
hoặc Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố

Tên tôi là:..... Giới tính:.....

Là người đại diện cho [Tên tổ chức cộng đồng]

[Tên tổ chức cộng đồng] được công nhận và giao quyền quản lý thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo Quyết định số..... ngày.....của Ủy ban nhân dân tỉnh.... hoặc Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố.

Sau một thời gian hoạt động theo các nội dung được công nhận và giao quyền quản lý, chúng tôi đề nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung như sau [lựa chọn một hoặc nhiều nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung]:

1. Tên tổ chức cộng đồng (đối với tổ chức cộng đồng không có tư cách pháp nhân);
2. Người đại diện của tổ chức cộng đồng;
3. Phạm vi quyền quản lý được giao;
4. Vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao;
5. Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản;
6. Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng.

(Chi tiết tại hồ sơ gửi kèm)

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh.... hoặc Ủy ban nhân dân huyện/ thị xã/thành phố xem xét và quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số ngày để [Tên tổ chức cộng đồng] hoạt động được hiệu quả hơn.

....., ngày tháng năm

TM. TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Ký, ghi rõ họ tên)



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Mẫu số 08.BT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-....

....., ngày.....tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận
và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ
nguồn lợi thủy sản tại**

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số .../2019/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ văn bản hiệp thương giữa Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có);

Căn cứ Quyết định số ngày ... tháng ... năm của Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại.....;

Xét văn bản thẩm định hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại.... như sau: [lựa chọn một hoặc nhiều nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung]:

1. Tên tổ chức cộng đồng.
2. Người đại diện của tổ chức cộng đồng: Ông/Bà [họ và tên người đại diện của tổ chức cộng đồng], số chứng minh thư/thẻ căn cước, thường trú tại
3. Phạm vi quyền quản lý được giao.
4. Vị trí, ranh giới khu vực thực hiện đồng quản lý (sơ đồ/bản đồ khu vực địa lý kèm theo Quyết định này).
5. Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản kèm theo Phụ lục Quyết định này.
6. Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng kèm theo Phụ lục Quyết định này.
7. Nội dung khác (nếu có).



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những nội dung không quy định tại Điều 1 Quyết định này tiếp tục thực hiện theo Quyết định số ngày ... tháng ... năm của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại....

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan [kể tên đơn vị], Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện....., Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã....., [tên tổ chức cộng đồng] và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-
- Lưu: VT,.....

GIÁM ĐỐC

03. Quy trình Công nhận làng nghề (QT-03)

1	Mục đích Quy định cách thức, nội dung, trình tự thực hiện công nhận làng nghề		
2	Phạm vi Áp dụng đối với tổ chức đề nghị hỗ trợ công nhận làng nghề		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn sau đây gọi tắt là Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ; - Quyết định 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12/7/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính ban hành thay thế, bị thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sau đây gọi tắt là Quyết định 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12/7/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định 4527/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội sau đây gọi tắt là Quyết định 4527/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; - Quyết định 4863/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trong việc giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn sau đây gọi tắt là Quyết định 4863/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Danh sách các hộ tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn;	x	
	- Bản tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn của làng trong 02 năm gần nhất;	x	
	- Văn bản bảo đảm điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định.	x	
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trong đó): - Tại Chi cục PTNT: 20 ngày làm việc; - Tại UBND thành phố Hà Nội: 10 ngày làm việc.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC Chi cục Phát triển Nông thôn Hà Nội Địa chỉ: 73 Lê Hồng Phong, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội		

	* Cách thức tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính hoặc Qua Cổng dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.hanoi.gov.vn.			
3.6	Lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Nộp hồ sơ	Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	-Tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả; - Chuyển hồ sơ về Trưởng bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính <i>(Tiếp nhận và chuyển hồ sơ trong ngày làm việc hoặc sáng ngày làm việc tiếp theo trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15h)</i>	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
B3	Chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn	Trưởng Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	1/4 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	1/2 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B5	Thẩm định hồ sơ - Thực hiện nhiệm vụ theo Ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội thành lập Hội đồng và Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định. - Hội đồng xét duyệt, chọn những làng có nghề đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng chuyên môn; Lãnh đạo Chi cục; Lãnh đạo Sở.	19 ngày (Trong đó Chuyên viên: 13 ngày; Lãnh đạo phòng chuyên môn: 02 ngày; Lãnh đạo Chi cục: 02 ngày; Lãnh đạo Sở 02 ngày	- Biên bản kiểm tra thực tế tại Làng nghề và đánh giá hồ sơ Làng nghề đề nghị công nhận của Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định; - Giấy mời tham gia thẩm định (theo thành phần Quyết định Hội đồng); - Biên bản họp Hội đồng thẩm định; - Văn bản đề nghị chỉnh sửa, hoàn

	<p>CP, trình UBND thành phố Hà Nội phê duyệt quyết định và cấp bằng công nhận danh hiệu “làng nghề Hà Nội” theo quy định.</p> <p>- Trường hợp không đủ điều kiện công nhận danh hiệu “làng nghề Hà Nội”, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.</p>			<p>thiện hồ sơ (nếu có);</p> <p>- Tờ trình; Bản dự thảo Quyết định công nhận làng nghề, Bằng công nhận làng nghề của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>Hoặc văn bản thông báo không đủ điều kiện phê duyệt;</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ</p>
B6	<p>UBND Thành phố xem xét, ký Quyết định công nhận làng nghề;</p> <p>Bằng công nhận làng nghề; Gửi Quyết định, Bằng công nhận về Sở Nông nghiệp và PTNT; Chi cục PTNT Hà Nội</p>	UBND thành phố Hà Nội	10 ngày	<p>Quyết định công nhận làng nghề;</p> <p>Bằng công nhận làng nghề của UBND thành phố Hà Nội.</p>
B7	<p>Hoàn thiện hồ sơ; Bàn giao kết quả giải quyết TTHC về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC.</p>	Chuyên viên	1/4 ngày	<p>-Quyết định công nhận làng nghề;</p> <p>Bằng công nhận làng nghề của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ</p>
B8	<p>Trả kết quả giải quyết TTHC</p>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính	<p>Quyết định công nhận làng nghề; Bằng công nhận làng nghề của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>- Sổ theo dõi hồ sơ</p>
B9	<p>- Thống kê và theo dõi;</p> <p>- Lưu hồ sơ.</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC;</p> <p>- Phòng chuyên</p>	Giờ hành chính	<p>HS giải quyết TTHC, kèm theo: <i>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết</i></p>

		môn		<p>quả, <i>Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có); Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (trường hợp từ chối tiếp nhận HS); Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (trường hợp giải quyết hồ sơ chậm muộn); Sổ theo dõi hồ sơ</i></p>
4	Biểu mẫu			
	1. Danh sách các hộ tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn, có xác nhận của UBND cấp xã;			
	2. Bản tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn trong 02 năm gần nhất;			
	3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu số 01-06).			

UBND XÃ (TÊN XÃ)
(TÊN LÀNG)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**DANH SÁCH CÁC HỘ THAM GIA HOẠT ĐỘNG NGÀNH NGHỀ NÔNG
THÔN NĂM.....**

Tổng

số hộ của làng:.....

STT	Tên chủ hộ	Số khẩu	Số lao động		Giá trị sản xuất (triệu đồng/năm)		Ngành nghề tham gia	Ghi chú
			Tổng	Lao động SXCN	Tổng	Giá trị sản xuất		
1								
2								
3								
4								
....								
	TỔNG							

**XÁC NHẬN CỦA
UBND XÃ**
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU

**ĐẠI DIỆN LÀNG
NGHỀ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND Xã...
(TÊN LÀNG)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢN TÓM TẮT

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn

Làng (tên làng) thuộc xã (tên xã), huyện (tên huyện) tổng hợp, báo cáo tóm tắt thành tích phát triển sản xuất trong 02 năm gần nhất và các hoạt động xã hội nổi bật của địa phương như sau: (Trình bày theo các nội dung gợi ý dưới đây)

I. Đặc điểm tình hình và vị trí địa lý

- Diện tích đất tự nhiên, đất làm nghề, đất sản xuất nông nghiệp, vị trí địa lý của làng;
- Tổng số hộ, số nhân khẩu, số lao động trên địa bàn;
- Tổng số hộ, số nhân khẩu, số lao động đang làm nghề đề nghị công nhận;
- Có bao nhiêu nghề hiện đang hoạt động, nghề nào là chủ yếu;
- Tình hình đời sống, vật chất, tinh thần của người dân;
- Việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và của địa phương.

II. Kết quả đạt được

- Số hộ, số lao động tham gia làm nghề, tỷ lệ % so với tổng số hộ, tổng số lao động của làng
- Hàng năm tạo ra được bao nhiêu sản phẩm, doanh thu đạt được;
- Thu nhập bình quân của người làm nghề so với thu nhập chung của làng;
- Thị trường đầu vào, thị trường tiêu thụ (Sản phẩm được bán ở các tỉnh nào, được xuất khẩu sang những quốc gia nào?)
 - Hình thức sản xuất (Sản xuất thủ công hay có áp dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ?)
 - Vấn đề xử lý ô nhiễm môi trường (Đã triển khai xử lý ô nhiễm hay đã có những dự án, những đề án nghiên cứu về vấn đề môi trường?)
- Lao động và Hợp đồng lao động (Bao nhiêu lao động thường xuyên, có ký hợp đồng không? Bao nhiêu lao động thời vụ?)
 - Công tác phòng chống cháy nổ;
 - Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm (Đối với làng đề nghị xét công nhận nghề liên quan chế biến nông sản thực phẩm)
- Tình hình an ninh – chính trị, các tệ nạn xã hội, hoạt động nổi bật.
- Xã đã được UBND Thành phố công nhận “xã đạt chuẩn nông thôn mới” chưa? Được công nhận năm nào?

III. Thuận lợi, khó khăn

IV. Phương hướng, giải pháp

V. Kiến nghị

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ
(Ký, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN LÀNG NGHỀ
(Ký, ghi rõ họ tên)

04. Công nhận làng nghề truyền thống (QT-04)

1	Mục đích Quy định cách thức, nội dung, trình tự thực hiện công nhận làng nghề truyền thống		
2	Phạm vi Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ công nhận làng nghề truyền thống		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ; - Quyết định 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12/7/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định 2590/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội thông qua phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội; - Quyết định 4527/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; - Quyết định 4863/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Bản tóm tắt quá trình hình thành, phát triển của nghề truyền thống;	x	
	- Bản sao giấy chứng nhận, huy chương đã đạt được trong các cuộc thi, triển lãm trong nước và quốc tế hoặc có tác phẩm đạt nghệ thuật cao được cấp tỉnh, thành phố trở lên trao tặng (nếu có). Đối với những tổ chức, cá nhân không có điều kiện tham dự các cuộc thi, triển lãm hoặc không có tác phẩm đạt giải thưởng thì phải có bản mô tả đặc trưng mang bản sắc văn hóa dân tộc của nghề truyền thống;		x
	- Bản sao giấy công nhận Nghệ nhân nghề truyền thống của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);		x
	- Danh sách các hộ tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn;	x	
	- Bản tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn của làng trong 02 năm gần nhất;	x	
	- Văn bản bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định.		x
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		

	Trong thời hạn 29 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Tại Chi cục PTNT: 19 ngày làm việc; - Tại UBND thành phố Hà Nội: 10 ngày làm việc.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC Chi cục Phát triển Nông thôn Hà Nội Địa chỉ: 73 Lê Hồng Phong, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội * Cách thức tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính hoặc Qua Cổng dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.hanoi.gov.vn.			
3.6	Lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Nộp hồ sơ	Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả; - Chuyển hồ sơ về Trưởng bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính (<i>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ trong ngày làm việc hoặc sáng ngày làm việc tiếp theo trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15h</i>)	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
B3	Chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn;	Trưởng Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	1/4 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	1/2 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B5	Thẩm định hồ sơ - Thực hiện nhiệm vụ theo Ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội thành lập Hội đồng và Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định.	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng chuyên môn; Lãnh đạo Chi cục;	18 ngày (Trong đó Chuyên viên: 13 ngày; Lãnh đạo phòng chuyên môn: 02 ngày; Lãnh đạo Chi	- Biên bản kiểm tra thực tế tại làng nghề và đánh giá hồ sơ Làng nghề đề nghị công nhận của Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định; - Giấy mời tham gia thẩm định (theo

	<p>- Hội đồng xét duyệt, chọn những làng có nghề đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, trình UBND thành phố Hà Nội phê duyệt quyết định và cấp bằng công nhận danh hiệu “làng nghề Hà Nội” theo quy định.</p> <p>- Trường hợp không đủ điều kiện công nhận danh hiệu “làng nghề Hà Nội”, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.</p>	Lãnh đạo Sở.	cục: 01 ngày; Lãnh đạo Sở 02 ngày.	<p>thành phần Quyết định Hội đồng);</p> <p>- Biên bản họp Hội đồng thẩm định;</p> <p>- Văn bản đề nghị chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ (nếu có);</p> <p>- Tờ trình; Bản Dự thảo Quyết định công nhận làng nghề, Bằng công nhận làng nghề của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>Hoặc văn bản thông báo không đủ điều kiện phê duyệt;</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ</p>
B6	UBND Thành phố xem xét, ký Quyết định công nhận làng nghề truyền thống; Bằng công nhận làng nghề truyền thống; Gửi Quyết định, Bằng công nhận về Sở Nông nghiệp và PTNT; Chi cục PTNT Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	10 ngày	Quyết định công nhận làng nghề truyền thống; Bằng công nhận làng nghề truyền thống của UBND thành phố Hà Nội
B7	Hoàn thiện hồ sơ; Bàn giao kết quả giải quyết TTHC về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC.	Chuyên viên	1/4 ngày	-Quyết định công nhận làng nghề truyền thống; Bằng công nhận làng nghề truyền thống của UBND thành phố Hà Nội; -Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính	Quyết định công nhận làng nghề truyền thống; Bằng công nhận làng nghề truyền thống

				của UBND thành phố Hà Nội; - Sổ theo dõi hồ sơ
B9	-Thống kê và theo dõi; - Lưu hồ sơ.	-Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC; -Phòng chuyên môn	Giờ hành chính	HS giải quyết TTHC, kèm theo: <i>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có); Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (trường hợp từ chối tiếp nhận HS); Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (trường hợp giải quyết hồ sơ chậm muộn); Sổ theo dõi hồ sơ</i>
4	Biểu mẫu			
	1. Bản tóm tắt quá trình hình thành, phát triển của nghề truyền thống;			
	2. Danh sách các hộ tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn, có xác nhận của UBND cấp xã;			
	3. Bản tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn trong 02 năm gần nhất;			
	4. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu số 01-06).			

UBND XÃ
(TÊN LÀNG)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢN TÓM TẮT
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN NGHỀ TRUYỀN THỐNG CỦA
LÀNG.....(TÊN LÀNG)

1. Đặc điểm chung

2. Vị trí địa lý

3. Thời gian hình thành và tình hình phát triển nghề truyền thống

- Thời gian hình thành nghề truyền thống.
- Tên cụ tổ nghề hoặc lễ hội truyền thống gắn với nghề của làng.
- Tên cụ cao niên trong làng đã từng làm nghề.
- Tình hình phát triển hiện tại của nghề truyền thống.
- Phương hướng phát triển nghề và làng nghề truyền thống

4. Các sản phẩm chủ yếu

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN LÀNG NGHỀ
(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND XÃ (TÊN XÃ)
(TÊN LÀNG)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**DANH SÁCH CÁC HỘ THAM GIA HOẠT ĐỘNG NGÀNH NGHỀ NÔNG
THÔN NĂM.....**

Tổng

số hộ của làng:.....

STT	Tên chủ hộ	Số khẩu	Số lao động		Giá trị sản xuất (triệu đồng/năm)		Ngành nghề tham gia	Ghi chú
			Tổng	Lao động SXCN	Tổng	Giá trị sản xuất		
1								
2								
3								
4								
....								
	TỔNG							

**XÁC NHẬN CỦA
UBND XÃ**
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU

**ĐẠI DIỆN LÀNG
NGHỀ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND Xã...
(TÊN LÀNG)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢN TÓM TẮT

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn

Làng (tên làng) thuộc xã (tên xã), huyện (tên huyện) tổng hợp, báo cáo tóm tắt thành tích phát triển sản xuất trong 02 năm gần nhất và các hoạt động xã hội nổi bật của địa phương như sau: (Trình bày theo các nội dung gợi ý dưới đây)

I. Đặc điểm tình hình và vị trí địa lý

- Diện tích đất tự nhiên, đất làm nghề, đất sản xuất nông nghiệp, vị trí địa lý của làng;
- Tổng số hộ, số nhân khẩu, số lao động trên địa bàn;
- Tổng số hộ, số nhân khẩu, số lao động đang làm nghề đề nghị công nhận;
- Có bao nhiêu nghề hiện đang hoạt động, nghề nào là chủ yếu;
- Tình hình đời sống, vật chất, tinh thần của người dân;
- Việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và của địa phương.

II. Kết quả đạt được

- Số hộ, số lao động tham gia làm nghề, tỷ lệ % so với tổng số hộ, tổng số lao động của làng
- Hàng năm tạo ra được bao nhiêu sản phẩm, doanh thu đạt được;
- Thu nhập bình quân của người làm nghề so với thu nhập chung của làng;
- Thị trường đầu vào, thị trường tiêu thụ (Sản phẩm được bán ở các tỉnh nào, được xuất khẩu sang những quốc gia nào?)
 - Hình thức sản xuất (Sản xuất thủ công hay có áp dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ?)
 - Vấn đề xử lý ô nhiễm môi trường (Đã triển khai xử lý ô nhiễm hay đã có những dự án, những đề án nghiên cứu về vấn đề môi trường?)
- Lao động và Hợp đồng lao động (Bao nhiêu lao động thường xuyên, có ký hợp đồng không? Bao nhiêu lao động thời vụ?)
 - Công tác phòng chống cháy nổ;
 - Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm (Đối với làng đề nghị xét công nhận nghề liên quan chế biến nông sản thực phẩm)
 - Tình hình an ninh – chính trị, các tệ nạn xã hội, hoạt động nổi bật.
 - Xã đã được UBND Thành phố công nhận “xã đạt chuẩn nông thôn mới” chưa? Được công nhận năm nào?

III. Thuận lợi, khó khăn

IV. Phương hướng, giải pháp

V. Kiến nghị

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN LÀNG NGHỀ
(Ký, ghi rõ họ tên)

05. Quy trình công nhận nghề truyền thống (QT-05)

1	Mục đích Quy định cách thức, nội dung, trình tự thực hiện công nhận nghề truyền thống.			
2	Phạm vi Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ công nhận nghề truyền thống.			
3	Nội dung quy trình			
3.1	Cơ sở pháp lý			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ; - Quyết định 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12/7/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định 4527/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; - Quyết định 4863/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; 			
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
	- Bản tóm tắt quá trình hình thành, phát triển của nghề truyền thống;	x		
	- Giấy chứng nhận, huy chương đã đạt được trong các cuộc thi, triển lãm trong nước và quốc tế hoặc có tác phẩm đạt nghệ thuật cao được cấp tỉnh, thành phố trở lên trao tặng (nếu có). Đối với những tổ chức, cá nhân không có điều kiện tham dự các cuộc thi, triển lãm hoặc không có tác phẩm đạt giải thưởng thì phải có bản mô tả đặc trưng mang bản sắc văn hóa dân tộc của nghề truyền thống.		x	
	- Bản sao Giấy công nhận Nghề nhân nghề truyền thống của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);		x	
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trong đó: - Tại Chi cục PTNT: 20 ngày làm việc; - Tại UBND thành phố Hà Nội: 10 ngày làm việc.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC Chi cục Phát triển Nông thôn Hà Nội Địa chỉ: 73 Lê Hồng Phong, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội * Cách thức tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính hoặc Qua Cổng dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.hanoi.gov.vn.			
3.6	Lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách	Thời gian	Biểu mẫu/

		nhiệm		kết quả
B1	Nộp hồ sơ	Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	-Tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả; - Chuyển hồ sơ về Trường bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính <i>(Tiếp nhận và chuyển hồ sơ trong ngày làm việc hoặc sáng ngày làm việc tiếp theo trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15h)</i>	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
B3	Chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn;	Trưởng Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	1/4 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	1/2 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B5	Thẩm định hồ sơ - Thực hiện nhiệm vụ theo Ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội thành lập Hội đồng và Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định. - Hội đồng xét duyệt, chọn những làng có nghề đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, trình UBND thành phố Hà Nội phê duyệt quyết định và cấp bằng công nhận danh hiệu “làng nghề Hà Nội” theo quy định. - Trường hợp không đủ	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng chuyên môn; Lãnh đạo Chi cục; Lãnh đạo Sở.	19 ngày (Trong đó Chuyên viên: 13 ngày; Lãnh đạo phòng chuyên môn: 02 ngày; Lãnh đạo Chi cục: 02 ngày; Lãnh đạo Sở 02 ngày)	- Biên bản kiểm tra thực tế tại làng nghề và đánh giá hồ sơ Làng nghề đề nghị công nhận của Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định; - Giấy mời tham gia thẩm định (theo thành phần Quyết định Hội đồng); - Biên bản họp Hội đồng thẩm định; - Văn bản đề nghị chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ (nếu có); - Tờ trình; Bản Dự thảo Quyết định

	điều kiện công nhận danh hiệu “làng nghề Hà Nội”, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.			<p>công nhận làng nghề, Bằng công nhận làng nghề của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>Hoặc Văn bản thông báo không đủ điều kiện phê duyệt;</p> <p>-Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ</p>
B6	UBND Thành phố xem xét, ký Quyết định công nhận nghề truyền thống; Bằng công nhận nghề truyền thống; Gửi Quyết định, Bằng công nhận về Sở Nông nghiệp và PTNT; Chi cục PTNT Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	10 ngày	<p>Quyết định công nhận nghề truyền thống;</p> <p>Bằng công nhận nghề truyền thống của UBND T thành phố Hà Nội</p>
B7	Hoàn thiện hồ sơ; Bàn giao kết quả giải quyết TTHC về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC.	Chuyên viên	1/4 ngày	<p>-Quyết định công nhận nghề truyền thống; Bằng công nhận nghề truyền thống của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>-Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.</p>
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính	<p>Quyết định công nhận nghề truyền thống; Bằng công nhận nghề truyền thống của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>- Sổ theo dõi hồ sơ.</p>
B9	- Thống kê và theo dõi; - Lưu hồ sơ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC; - Phòng chuyên môn	Giờ hành chính	<p>HS giải quyết TTHC, kèm theo: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p>

				(nếu có); Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (trường hợp từ chối tiếp nhận HS); Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (trường hợp giải quyết hồ sơ chậm muộn); Sổ theo dõi hồ sơ
4	Biểu mẫu			
	1. Bản tóm tắt quá trình hình thành, phát triển của nghề truyền thống;			
	2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu số 01-06).			



UBND XÃ
(TÊN LÀNG)

Mẫu số 01/NNNT
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢN TÓM TẮT
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN NGHỀ TRUYỀN THỐNG CỦA
LÀNG.....(TÊN LÀNG)

1. Đặc điểm chung

2. Vị trí địa lý

3. Thời gian hình thành và tình hình phát triển nghề truyền thống

- Thời gian hình thành nghề truyền thống.
- Tên cụ tổ nghề hoặc lễ hội truyền thống gắn với nghề của làng.
- Tên cụ cao niên trong làng đã từng làm nghề.
- Tình hình phát triển hiện tại của nghề truyền thống.
- Phương hướng phát triển nghề và làng nghề truyền thống.

4. Các sản phẩm chủ yếu

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN LÀNG NGHỀ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 5616 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

TT	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định của UBND Thành phố	Tên Quy trình nội bộ thủ tục hành chính bị bãi bỏ
1	QT-37 phụ lục I, II kèm theo Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)
2	QT-38 phụ lục I, II kèm theo Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)
3	QT-84 phụ lục I, II kèm theo Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Công nhận Làng nghề truyền thống
4	QT-85 phụ lục I, II kèm theo Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Công nhận Nghề truyền thống
5	QT-86 phụ lục I, II kèm theo Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Công nhận Làng nghề

